

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

1. Lai lịch hóa chất hoặc hỗn hợp và nhà cung cấp

Mã định danh sản phẩm

Tên sản phẩm:

POWERZOL™ 9049

Lai lịch bổ sung

Tên Hóa Chất:

Mixture

Công dụng và giới hạn sử dụng đề nghị

Công dụng đề nghị:

Diesel Hậu Mãi

Các Giới Hạn Sử Dụng:

Không được xác định.

Các chi tiết về nhà cung cấp bản thông tin an toàn

Nhà cung cấp

Tên Công Ty:

LUBRIZOL LIMITED

Địa chỉ:

THE KNOWLE, NETHER LANE
HAZELWOOD, DERBYSHIRE, DE56 4AN
GB

Điện Thoại:

(44) 01332-842211

Số Điện Thoại Khẩn Cấp:

FOR TRANSPORT EMERGENCY CALL CHEMTREC (+1) 703 527 3887

2. Nhận diện các chất nguy hiểm

Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Chuẩn bị theo tiêu chuẩn của Hệ thống Hải hòa Toàn cầu (GHS).

Chất lỏng dễ cháy

Loại 4

Ăn mòn/kích ứng da

Loại 2

Gây tổn thương mắt /kích ứng
mắt nghiêm trọng

Loại 2A

Các thành phần của nhãn



Từ Cảnh Báo:

Cảnh Báo

(Các) Tiêu Ngữ Hiểm Họa:

H227: Chất lỏng có thể cháy.

H315: Gây kích ứng da.

H319: Gây kích ứng mạnh cho mắt.

**Thông điệp đề phòng
Phòng Ngừa:**

P210: Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc.
P264: Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào đã tiếp xúc với hoá chất thật kỹ sau khi thao tác.
P280: Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ và kính mắt/kính che mặt bảo hộ.

Ứng phó:

P302+P352: KHI BỊ DÍNH VÀO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước.
P332+P313: Nếu bị kích ứng da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P321: Điều trị cụ thể (xem các hướng dẫn sơ cứu bổ sung trong nhãn này).
P362+P364: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại.
P305+P351+P338: NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P337+P313: Nếu vẫn không hết bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P370+P378: Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng CO2, hóa chất khô hoặc bọt để dập lửa. Có thể sử dụng nước để làm mát và bảo vệ vật liệu lộ thiên.

Bảo Quản:

P403: Bảo quản ở nơi thông khí tốt.

Thải bỏ:

P501: Xử lý thùng chứa/ hóa chất cho một cơ sở đã được phê duyệt theo quy định của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế.

**Các hiểm họa khác không cần
phải phân loại theo GHS:**

Không được xác định.

3. Cấu tạo/thông tin về thành phần**Các hỗn hợp**

Tên Hóa Chất	Số CAS	Phần trăm theo trọng lượng
Petroleum naphtha	64742-47-8	20 – 30%
2-Ethylhexanol	104-76-7	10 – 20%

4. Biện pháp sơ cứu**Mô tả các biện pháp sơ cứu****Hít phải:**

Chuyển người bị tiếp xúc đến nơi không khí trong lành nếu thấy có tác hại.

Tiếp xúc với mắt:

Rửa cẩn thận với nước trong nhiều phút. Rửa cẩn thận bằng nước. Nếu bị kích ứng, tìm bác sĩ hỗ trợ. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu vẫn không hết bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.

Tiếp Xúc Với Da:

Cởi quần áo nhiễm bẩn rồi giặt sạch trước khi dùng lại. Rửa da cẩn thận bằng xà phòng và nước. Rửa bằng xà phòng và nước. Nếu bị tổn da, nên tìm nơi chữa trị y tế. Tìm gặp y bác sĩ để điều trị nếu các triệu chứng xảy ra. Giặt ủi quần áo nhiễm bẩn trước khi dùng lại.

Ăn phải: Súc miệng. Tìm gặp y bác sĩ để điều trị nếu các triệu chứng xảy ra.

Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm: Xem đoạn 11.

Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Xử Lý: Điều trị triệu chứng.

5. Các biện pháp chữa cháy

Các hiểm họa cháy nói chung: Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không gặp nguy hiểm.

Chất chữa cháy

Các chất chữa cháy phù hợp: CO₂, hóa chất khô hoặc bọt. Có thể dùng nước để làm mát và bảo vệ chất liệu lộ ra ngoài.

Chất chữa cháy không phù hợp: Không dùng vòi xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ gây lan thêm lửa.

Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất: Các hơi có thể gây cháy bùng hoặc cháy nổ. Phòng ngừa tích tụ hơi hoặc khí đến nồng độ gây nổ. Các hơi có thể di chuyển khá xa đến nguồn lửa rồi bắt lửa ngược về. Nước có thể làm văng tung tóe. Vật chứa có thể thủng vỡ khi nung nóng. Tia nước mạnh sẽ lan truyền chất liệu đang cháy. Chất liệu tạo mối nguy hiểm đặc biệt do nổi trên nước. Xem mục 10 để biết thêm thông tin.

Hướng dẫn cho nhân viên chữa cháy

Các Quy Trình Chữa Cháy Đặc Biệt: Không có dữ liệu.

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy: Nhân viên cứu hỏa phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn bao gồm áo chống lửa, mũ cứu hỏa có kính che mặt, găng tay, ủng cao su, và ở các khu vực kín, sử dụng thiết bị thở độc lập (SCBA).

6. Biện pháp giảm tai nạn

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp: LOẠI BỎ tất cả các nguồn lửa (không hút thuốc, không pháo sáng hoặc tia lửa hay ngọn lửa trong các khu vực kế cận). Không chạm vào các dụng cụ đựng đã hư hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi có sử dụng trang phục bảo vệ phù hợp. Giữ người không được phép tránh xa. Xem Mục 8 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu về Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường: Không để nhiễm vào các nguồn nước hoặc cống rãnh. Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch: Loại bỏ mọi nguồn lửa nếu có thể thực hiện được an toàn. Đào mương ngăn chặn thật sớm lượng tràn đổ để thu gom xử lý phục hồi hoặc thải bỏ sau này. Thu gom chất lỏng tự do để tái sử dụng và/hoặc thải bỏ. Chất lỏng còn thừa có thể được hấp thu qua chất liệu trơ. Chặn dòng chảy của vật liệu, nếu việc làm này không có gì nguy hiểm. Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực kín.

Tham khảo các mục khác: Xem mục 8 và 13 để biết thêm thông tin.

7. Xếp dỡ và bảo quản:

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn:

Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc. Tránh tiếp xúc với da. Tránh tiếp xúc với mắt. Thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp. Thực hiện thông khí đầy đủ. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác. Giặt ủi quần áo nhiễm bẩn trước khi dùng lại.

Hơi nặng hơn không khí và sẽ có xu hướng tích tụ ở vùng thấp. Tránh sử dụng trong khu vực kín không có hệ thống thông gió đầy đủ. Khu vực thông gió không đầy đủ có thể chứa một nồng độ đủ cao để gây kích ứng mắt, đau đầu, rối loạn hô hấp. Đánh giá cẩn thận tiến trình sử dụng sản phẩm này ở nhiệt độ cao để chắc là điều kiện hoạt động an toàn. Có thể tạo tĩnh điện khi đúc hoặc vận chuyển sản phẩm này từ thùng chứa. Tia lửa có thể đủ để làm bốc cháy chất lỏng dễ bắt lửa. Luôn vận chuyển sản phẩm bằng cách tránh tạo tĩnh điện. Tránh đổ sản phẩm trực tiếp từ thùng chứa vào trong chất đốt hoặc dung môi dễ bắt lửa. Xử lý và sử dụng có thể tạo mối nguy hiểm phát lửa tĩnh điện. Gắn và bắt dây đất tất cả thùng chứa và thiết bị trước khi vận chuyển hoặc sử dụng chất liệu. Không nên hít sản phẩm phân hủy nhiệt.

Nhiệt độ xếp dỡ tối đa: 50 °C

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ:

Lưu trữ trong thùng chứa được làm cùng chất liệu như thùng chứa ban đầu. Giữ mát. Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Bảo quản tránh xa các vật liệu tương kỵ. Xem mục 10 để các vật liệu không tương thích. Không lưu trữ gần nơi có nguồn phát lửa.

Nhiệt độ bảo quản tối đa: 45 °C

8. Kiểm soát tiếp xúc/Bảo vệ cá nhân

Các thông số kiểm soát:

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Tên Hóa Chất	Loại	Các Giá Trị Giới Hạn Tiếp Xúc	Nguồn
Petroleum naphtha - Không là sol-khí - toàn bộ hydrocacbon hơi	TWA	200 mg/m ³	Hoa Kỳ. Các Giá trị Ngưỡng Giới hạn, như được sửa đổi, theo ACGIH (02 2012)
Mineral oil - Phần có thể hít vào được.	TWA	5 mg/m ³	Hoa Kỳ. Các Giá trị Ngưỡng Giới hạn, như được sửa đổi, theo ACGIH (03 2014)

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường có thông khí đầy đủ. Cần có biện pháp thông khí thích hợp để không bị vượt quá các giới hạn tiếp xúc.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Thông tin tổng quát:	Phải cung cấp nguồn nước và các phương tiện rửa mắt dễ tiếp cận. Nên sử dụng biện pháp thông khí toàn bộ có hiệu quả (thường là 10 lần thay không khí trong mỗi giờ). Tốc độ thông khí phải phù hợp với các điều kiện. Nếu áp dụng, sử dụng tủ xử lý kín, hút thoát khí tại chỗ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc đề nghị.
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt:	Đeo kính mắt bảo hộ kín khít hoặc sử dụng kính che mặt. Kính an toàn. Nếu có thể có văng tóe hoặc sương mù, thì nên đeo kính bảo hộ chống hóa chất hay tấm che mặt.
Bảo Vệ Da Bảo Vệ Tay:	Sử dụng bao tay bằng nitril hoặc neoprene. Sử dụng tất cả các phương pháp vệ sinh công nghiệp. Trong trường hợp tiếp xúc da, nên rửa kỹ bàn tay và cánh tay bằng xà phòng và nước. Găng tay chống hóa chất
Khác:	Đeo tạp dề hoặc mặc trang phục bảo hộ để đề phòng bị tiếp xúc. Không nên đeo nhẫn, đồng hồ hay đồ trang sức tương tự nào có thể dính chất này. Dùng bao tay, bộ áo liền quần, tạp dề, giày ủng nếu cần tránh tiếp xúc tối thiểu.
Bảo vệ đường hô hấp:	Phải tuân theo chương trình bảo vệ hô hấp phù hợp với mọi quy định hiện hành mỗi khi điều kiện làm việc đòi hỏi phải sử dụng mặt nạ thở. Sử dụng mặt nạ thở có ống chống hơi hữu cơ và bụi/sương nếu nồng độ vượt quá mức giới hạn tiếp xúc khuyến cáo. Dùng dụng cụ thở độc lập khi đi vào trong không gian kín, khu vực nào khác được thông gió kém và nơi đổ loang lớn đang dọn dẹp. Sử dụng mặt nạ thở có tổ hợp ống chống hơi hữu cơ và bụi/sương.
Các Biện Pháp Vệ Sinh:	Thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp. Tránh tiếp xúc với da. Tránh tiếp xúc với mắt. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại. Khi sử dụng không hút thuốc. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm.

9. Tính chất lý hóa

Thông tin về các tính chất lý hóa cơ bản

Ngoại Quan

Trạng Thái Vật Lý:	Chất lỏng
Dạng:	Chất lỏng
Màu:	Đỏ đậm
Mùi:	Nhẹ
Ngưỡng Phát Hiện Mùi:	Không có dữ liệu.
pH:	Không áp dụng
Điểm đông đặc:	Không có dữ liệu.
Điểm Sôi:	Không có dữ liệu.
Điểm chớp cháy:	67 °C (Cốc Kín Pensky-Martens)
Tốc Độ Bay Hơi:	Không có dữ liệu.
Khả năng cháy (rắn, khí):	Không có dữ liệu.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới Hạn Cháy - Trên (%):	Không có dữ liệu.

Giới Hạn Cháy - Dưới (%):	Không có dữ liệu.
Áp suất hơi:	Không có dữ liệu.
Tỷ trọng hơi tương đối:	Không có dữ liệu.
Tỷ trọng tương đối:	0,872 - 0,912 (15,6 °C)
(Các) độ tan	
Độ Tan Trong Nước:	Không tan trong nước
Độ tan (trong các chất khác):	Không có dữ liệu.
Hệ số phân tách (n-octanol/nước):	Không có dữ liệu.
Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy:	Không có dữ liệu.
Nhiệt Độ Phân Hủy:	Không có dữ liệu.
Độ nhớt:	225 mm ² /s (40 °C); 2600 mm ² /s (0 °C)
Các tính chất nổ:	Không có dữ liệu.
Các tính chất oxy hóa:	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ điểm chảy:	-54 °C
Thông tin khác	
Khối Lượng Riêng Thể Xốp:	7,44 P/gal (25 °C)

10. Độ ổn định và phản ứng

Khả Năng Phản Ứng:	Không có dữ liệu.
Độ bền hóa học:	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm:	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh:	Nhiệt, tia lửa, ngọn lửa. Nhiệt dư. Tiếp xúc với các axit. Các tác nhân ăn da mạnh.
Các vật liệu tương kỵ:	Các chất oxy hóa mạnh. Các tác nhân ôxy hóa, các kim loại phản ứng, Hypochlorite natri hoặc canxi. Tránh nhiệt hoặc các tác nhân khử nước. Phản ứng với peroxit có thể dẫn đến phân hủy mạnh peroxit có khả năng gây nổ. Vật liệu phản ứng với hỗn hợp hydroxyl. Các axit mạnh. Chì và hợp kim chì
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm:	Quá trình phân hủy nhiệt hoặc đốt cháy có thể sinh ra khói, cacbon monoxit, cacbon điôxit, và các sản phẩm khác của quá trình đốt cháy không hoàn chỉnh.

11. Thông tin chất độc

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải:	Không có dữ liệu.
Ăn phải:	Không có dữ liệu.
Tiếp Xúc Với Da:	Gây kích ứng da.
Tiếp xúc với mắt:	Gây kích ứng mạnh cho mắt.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc Tính Cấp Tính

Qua miệng

Sản Phẩm:

ATEmix (Độ độc cấp tính ước tính kết hợp) > 10 000 mg/kg. Nuốt phải có thể gây ra tác động hệ thống thần kinh trung ương như đau đầu, chóng mặt, buồn ngủ, và mệt mỏi toàn thân. Chất liệu có thể được hút vào phổi trong quá khi nuốt hoặc nôn mửa. Điều này có thể dẫn đến tổn thương nghiêm trọng đối với phổi và tử vong.

Da

Sản Phẩm:

Không được phân loại là độc cấp tính theo dữ liệu hiện có.

Hít phải

Sản Phẩm:

Bụi và sương: ATEmix (Độ độc cấp tính ước tính kết hợp) (, 4 h): 10 - 20 mg/l. Nồng độ cao có thể gây nhức đầu, chóng mặt, buồn nôn, thay đổi hành vi, suy nhược, buồn ngủ và trạng thái thờ ơ.

Ăn mòn/kích ứng da:

Sản Phẩm:

Nhận Xét: Gây kích ứng da. Tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại như từ quần áo thấm ướt với chất liệu có thể gây viêm da. Triệu chứng có thể gồm đỏ, sưng, khô và nứt da.

Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng:

Sản Phẩm:

Nhận Xét: Gây kích ứng mạnh cho mắt.

Gây mất cảm đường hô hấp:

Không có dữ liệu

Gây mất cảm da:

Petroleum naphtha

Phân Loại: Không phải là một chất gây mất cảm da. (Tài liệu chào hàng) Không phải là một chất gây mất cảm da.

2-Ethylhexanol

Phân Loại: Không phải là một chất gây mất cảm da. (Tài liệu chào hàng)

Độc tính với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến - tiếp xúc một lần:

Sản Phẩm:

Petroleum naphtha

Nếu chất liệu tạo thành mù sương hay hơi do nung nóng, thì tiếp xúc với dạng này có thể gây kích thích niêm mạc thực quản/mũi và đường hô hấp trên, giống như đã thấy đối với dầu khoáng. Khi có biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt và mọi mức giới hạn tiếp xúc đều được tuân theo thì sẽ không gặp rắc rối liên quan đến hô hấp.

2-Ethylhexanol

Kích ứng đường hô hấp.

Hiểm họa hít phải:

Petroleum naphtha

Chất liệu có thể được hút vào phổi trong quá khi nuốt hoặc nôn mửa. Điều này có thể dẫn đến tổn thương nghiêm trọng đối với phổi và tử vong.

Các Tác Dụng Khác:

Sản Phẩm: Nếu chất liệu tạo thành mù sương hay hơi do nung nóng, thì tiếp xúc với dạng này có thể gây kích thích niêm mạc thực quản/mũi và đường hô hấp trên.

Các Tác Dụng Lâu Dài

Khả năng gây ung thư:

Sản Phẩm: Sản phẩm này chứa các dầu khoáng được xem là đã tinh lọc kỹ và không bị xem là chất gây ung thư. Đã chứng tỏ là mọi loại dầu trong sản phẩm này đều chứa ít hơn 3% chất chiết xuất theo xét nghiệm IP 346.

Petroleum naphtha Không được phân loại

Khả năng gây đột biến tế bào mầm:

2-Ethylhexanol Chất liệu này không thể hiện khả năng gây đột biến hay gây hại cho di truyền trong các thí nghiệm trong phòng thí nghiệm.

Độc Tính Về Sinh Sản:

Petroleum naphtha Không được phân loại

2-Ethylhexanol Không có chứng cứ ảnh hưởng bất lợi trong nghiên cứu độc tính phát triển thai của 2-ethylhexanol trên chuột cống. Liều lượng đến 3 ml/kg bôi vào da trong khoảng thời gian mang thai quan trọng nhất của thai kỳ cho thấy dấu hiệu độc tính đối với con vật mẹ nhưng không có dấu hiệu thương tích ở vật con đang phát triển. Trong nghiên cứu trước đây, khuyết tật bẩm sinh đã xảy ra khi cho qua đường miệng, đường tiếp xúc không hẳn có tại nơi làm việc.

Độc tính với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến - tiếp xúc nhiều lần:

2-Ethylhexanol Tiếp xúc quá mức và lặp đi lặp lại có thể dẫn đến bị hư hại gan và thận. Cuộc nghiên cứu dài 14 ngày về độ độc hại của 2-ethylhexanol trên da chuột cống đã cho thấy tác động lên máu, tình huống giảm trọng lượng tụy tạng và giảm triglycerid. chưa biết: (Các) Cơ Quan Đích: Máu, gan, Lách, Thận

12. Thông tin sinh thái

Độc tính sinh thái

Cá

Petroleum naphtha LL 50 (Oncorhynchus mykiss, 96 h): > 1 000 mg/l

2-Ethylhexanol LC 50 (Cá Fathead Minnow, 4 d): 28,2 mg/l
LC 50 (Golden Orfe, 4 d): 17,1 mg/l

Động Vật Không Xương Sống Thủy Sinh

Petroleum naphtha EC 50 (Bọ chết nước (Daphnia Magna), 48 h): > 1 000 mg/l

2-Ethylhexanol EC 50 (Bọ chết nước (Daphnia magna), 2 d): 39 mg/l

Độc Tính đối với Thực Vật Thủy Sinh

Petroleum naphtha EC 50 (Tảo Lục *Pseudokirchneriella subcapitata*, 72 h): > 1 000 mg/l

2-Ethylhexanol EC 50 (*Scenedesmus quadricauda*, 3 d): 16,6 mg/l

Độc tính đối với các sinh vật ở trong đất

Không có dữ liệu

Độc tính trầm tích

Không có dữ liệu

Độc tính đối với thực vật trên cạn

Không có dữ liệu

Độc tính đối với sinh vật trên mặt đất

Không có dữ liệu

Độc tính đối với các vi sinh vật

2-Ethylhexanol EC 50 (*Pseudomonas putida*, 0,1 d): 540 mg/l
EC 50 (*Bùn*, 0,5 d): > 100 mg/l

**Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy
Phân Hủy Bởi Vi Sinh Vật**

Petroleum naphtha OECD TG 301 F, 80 %, 28 d, Dễ bị vi sinh vật phân hủy

2-Ethylhexanol OECD TG 302 B, 95 %, 5 d, Dễ bị vi sinh vật phân hủy
OECD TG 301 C, 100 %, 14 d, Dễ bị vi sinh vật phân hủy

Khả năng tích tụ sinh học

Hệ số tích tụ sinh học (BCF)

2-Ethylhexanol Hệ số tích tụ sinh học (BCF): 25,35 (Tính được)

Hệ số phân tách n-octanol /nước (log Kow)

2-Ethylhexanol Log Kow: 2,9 (Đo Được)

Khả năng phát tán ra môi trường

2-Ethylhexanol Đất - 1,42

Các tác dụng có hại khác

Không có dữ liệu

13. Những Vấn Đề Cần Xem Xét Khi Thải Bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ:

Xử lý, lưu trữ, vận chuyển và vứt bỏ phải phù hợp với các quy định hiện hành của Liên bang, Tiểu bang/tỉnh, và Địa phương.
Thải bỏ bao bì hoặc thùng chứa theo quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế. Thùng chứa rỗng còn sản phẩm thừa có thể có mối nguy hiểm của sản phẩm.

Bao Bì Bị ô Nhiễm:

Đóng gói bằng thùng chứa có thể biểu hiện mối nguy hiểm.

14. Thông tin vận chuyển

IATA

Không được quy định.

IMDG

Không được quy định.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL và Quy Tắc IBC

Chưa được biết.

Mô tả vận chuyển có thể khác nhau dựa trên phương thức vận tải, số lượng, nhiệt độ của vật liệu, kích thước gói, và/hoặc nguồn gốc và điểm đến. Trách nhiệm của tổ chức vận tải là tuân thủ tất cả các luật, quy định và quy tắc hiện hành liên quan đến vận chuyển vật liệu. Muốn vận chuyển, phải thực hiện các bước để ngăn thay đổi tải trọng hay rơi vật liệu, và phải tuân theo tất cả các quy chế pháp lý. Đọc các yêu cầu phân loại trước khi vận chuyển vật liệu ở nhiệt độ cao.

15. Thông tin quản lý

15.1 Quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường riêng cho chất hoặc hỗn hợp:

Tình Trạng Công Bố Tên Trong Danh Mục

Úc (AIIIC)

Tất cả các thành phần đều theo đúng yêu cầu khai báo hóa chất tại Úc.

Canada (DSL/NDL)

Tất cả các chất chứa trong sản phẩm này tuân thủ Đạo Luật Bảo Vệ Môi Trường của Canada (Canadian Environmental Protection Act) và có trong Danh Sách Các Chất Nội Địa (Domestic Substances List - DSL) hoặc được miễn trừ.

Trung Quốc (IECSC)

Sản phẩm này chứa một hóa chất hoặc polymer đã được công bố và bị hạn chế nhập khẩu bởi đơn vị công bố.

Liên minh châu Âu (REACH)

Để biết thông tin về tình trạng tuân thủ REACH của sản phẩm này, vui lòng email REACH@SDSInquiries.com.

Anh (Quy định REACH của Vương quốc Anh)

Để lấy thông tin về tình trạng tuân thủ quy định REACH của Vương quốc Anh của sản phẩm này, vui lòng gửi email đến REACH@SDSInquiries.com.

Nhật Bản (ENCS)

Sản phẩm này chứa một hóa chất hoặc polymer đã được công bố và bị hạn chế nhập khẩu bởi các pháp nhân cụ thể.

Hàn Quốc (ECL)

Tất cả các thành phần đều tuân hành tại Hàn Quốc.

New Zealand (NZIoC)

Tất cả các thành phần phù hợp với các yêu cầu thông báo hóa chất tại New Zealand.

Philippines (PICCS)

Tất cả các thành phần đều tuân theo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hại và Chất Thải Nguy Hiểm và Hạt Nhân Philippin năm 1990 (Philippines Toxic Substances and Hazardous and Nuclear Wastes Control Act of 1990) (R.A. 6969).

Thụy Sĩ (SWISS)

Tất cả các thành phần đều theo đúng Sắc Lệnh Hóa Chất Nguy Hiểm cho Môi Trường tại Thụy Sĩ.

Đài Loan (TCSCA)

Tất cả các thành phần của sản phẩm này được liệt kê trên danh sách kiểm kê của Đài Loan.

Thổ Nhĩ Kỳ (KKDIK)

Để lấy thông tin về tình trạng tuân thủ quy định KKDIK của sản phẩm này, vui lòng gửi email đến REACH@SDSInquiries.com.

Hoa Kỳ (TSCA)

Tất cả các chất chứa trong sản phẩm này được liệt kê trên Bản Kiểm Kê TSCA hoặc được miễn trừ.

Những thông tin đã được sử dụng để xác nhận tình trạng tuân thủ của sản phẩm này có thể khác với thông tin hóa học được trình bày trong Mục 3.

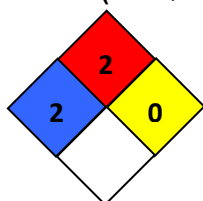
16. Thông tin khác**Các tài liệu tham khảo cơ bản và nguồn dữ liệu:**

Dữ liệu nội bộ của công ty và các tài nguyên công khai khác.

Mã Định Danh Hiểm Họa HMIS (Hệ Thống Nhận Dạng Vật Liệu Nguy Hiểm)

Sức Khỏe	2
Khả Năng Cháy	2
Hiểm Họa Vật Lý	0

Cấp hiểm họa: 0 – Rất nhỏ; 1 - Nhỏ; 2 – Trung bình; 3 - Nặng; 4 – Nghiêm trọng; RNP - Không thể sắp hạng được; *Tác dụng lâu dài cho sức khỏe

Mã Định Danh Hiểm Họa NFPA (Cơ Quan Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia)

Khả Năng Cháy
Sức Khỏe
Khả Năng Phản Ứng
Hiểm họa đặc biệt

Cấp hiểm họa: 0 – Rất nhỏ; 1 - Nhỏ; 2 – Trung bình; 3 - Nặng; 4 – Nghiêm trọng; RNP - Không thể sắp hạng được

Thông tin khác:

Liên hệ với nhà cung ứng (xem Phần 1)

(Những) chỗ chỉnh sửa được ghi chú bằng vạch kép trong lề và ô màu xám nhạt.

Ngày Ban Hành:

27.04.2023

Khước Từ Trách Nhiệm:

Do điều kiện hay phương pháp sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không chịu trách nhiệm và không nhận trách nhiệm cho bất cứ sử dụng nào đối với sản phẩm này. Thông tin nêu trong đây là thật và chính xác nhưng tất cả các tuyên bố hay đề nghị đưa ra không có bảo đảm, thể hiện hay ngụ ý, về tính xác thực của thông tin, các nguy hiểm liên quan đến việc sử dụng chất liệu hay hậu quả có được sau khi sử dụng. Tuân theo tất cả các quy định hiện dụng của liên bang, tiểu bang, và địa phương là trách nhiệm của người sử dụng